

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH**

Bản án số: 02/2019/DSST

Ngày: 05.4.2019.

“Về việc tranh chấp về thừa kế tài sản”

(Án gốc)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

===== ***** =====

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Mạnh**

Hội thẩm nhân dân: Ông: **Đặng Văn Sửu.** Bà: **Đỗ Thị Kim C1nh.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lý**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Minh Đức - Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 05/4/2019 Tại hội trường Toà án nhân dân thị xã Q xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 26/2018/TLST- DS ngày 12/9/2018 về việc "*tranh chấp về thừa kế tài sản*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QDXXST - DS ngày 28/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07 ngày 21/3/2019 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Ông Ngô Xuân T - Sinh năm 1940

Địa chỉ: Tổ 1, khu 6, Phường B, TP H, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt

2. **Bị đơn:** Bà Phạm Thị S - Sinh năm 1930.

Địa chỉ: Khu 4, phường PH, thị xã Q- Quảng Ninh; Có mặt

3. **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Ngô Xuân T1, sinh năm 1935

- Ông Ngô Xuân T2, sinh năm 1943

- Bà Ngô Thị L1, sinh năm 1945

- Anh Ngô Xuân T3, sinh năm 1968

- Chị Ngô Thị T4, sinh năm 1967

- Anh Ngô Xuân D1, sinh năm 1971

Đều trú tại: Khu 4, phường PH, thị xã Q, Quảng Ninh- (Đều có mặt tại phiên tòa).

- Ông Ngô Xuân D2, sinh năm 1950

N1 thường trú cuối cùng: Khu 4, phường PH, thị xã Q- Quảng Ninh- Vắng mặt.
(Toà án đã tuyên bố mất tích).

-Bà Ngô Thị N1, sinh năm 1929

Địa chỉ: Thôn Thọ Tràng, xã YT, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh

- Vắng mặt.

-Bà Ngô Thị D3, sinh năm 1933

Địa chỉ: Khu 7, phường NH, thị xã Q, Quảng Ninh- Vắng mặt

-Bà Ngô Thị C1, sinh năm 1949

Địa chỉ: 96/75 phường AT, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh- Vắng mặt.

-Bà Lê Thị B1, sinh năm 1930

Trú tại: Khu 4, phường PH, thị xã Q, Quảng Ninh- Vắng mặt.

-Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị N1, bà Ngô Thị D3, bà Ngô Thị C1 là ông Ngô Xuân T, sinh năm 1950; Trú tại: Tổ 1, khu 6, Phường B, TP H, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt tại phiên tòa.

-Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị S, anh Ngô Xuân T3 là chị Ngô Thị T5, sinh năm 1991, trú tại: Tổ 33, khu 3, phường CT, TP H, Quảng Ninh- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các L1 khai của nguyên đơn ông Ngô Xuân T có quan điểm trình bày: Bố mẹ ông là các cụ Ngô Xuân P1, sinh năm: 1906 (chết năm 1990) và mẹ ông là cụ Vũ Thị Đ1, sinh năm 1909 (chết ngày 27.9.1988). Bố mẹ ông kết hôn và sinh được 09 anh, chị em. Gồm có: bà Ngô Thị N1, sinh năm 1929, ông Ngô Xuân T6, sinh năm 1931 (chết năm 2013), bà Ngô Thị D3, sinh năm 1933, ông Ngô Xuân T1, sinh năm 1935, ông Ngô Xuân T, sinh năm 1940, ông Ngô Xuân T2, sinh năm 1943, bà Ngô Thị L1, sinh năm 1945, bà Ngô Thị C1, sinh năm, 1949, ông Ngô Xuân D2, sinh năm 1950. Tất cả mọi người đều đã có gia đình và có nhà riêng ở ổn định. Trong đó có ông Ngô Xuân D2, sinh năm 1950 (đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03 ngày 23/5/2018), ông Ngô Xuân T6 (chết năm 2013) có vợ cả là Phạm Thị S, bà S sinh được anh Ngô Xuân T3, và vợ hai là bà Lê Thị B1, bà B1 sinh được chị Ngô Thị T4 và ông T6, bà S nhận một người con nuôi là anh Ngô Xuân D1.

Trước khi qua đời bố mẹ ông tạo dựng được khối tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà gỗ lim 5 gian trên thửa đất có diện tích 326m² (trong đó 300m² đất ở và 26m² đất trồng cây lâu năm) từ năm 1932, tại thửa đất số 33, tờ bản đồ địa chính số P12 xã PH huyện Yên Hưng (nay là khu 4, phường PH, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh). Năm 2002 ông T6 tự ý làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ và đã được UBND huyện Yên Hưng (nay là thị xã Q) cấp GCNQSDĐ số 40134/QSDĐ ngày 03/3/2003. Sau đó anh em ông T biết được việc ông T6 tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên nên đã làm đơn khiếu nại đến UBND phường PH và UBND thị xã Q. Do đó tại Quyết định số 5685/QĐ-UBND ngày 03/11/2016 UBND thị xã Q đã hủy bỏ GCNQSDĐ số U 515702, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ là 40134 do UBND huyện Yên Hưng (nay là thị xã Q) cấp ngày 03/3/2003 cho ông Ngô Xuân T6. Lý do hủy bỏ: Cấp sai đối tượng và không T3 hồi lại được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Xuân T6. T bộ thửa đất và tài sản trên đất có giá khoảng 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*). Hiện ngôi nhà trên và T bộ tài sản trên đất bà Phạm Thị S đang quản lý. Trải qua gần 100 năm nên ngôi nhà gỗ và công trình phụ trên đất đã xuống cấp hư hỏng nặng nên mọi người trong gia đình bàn bạc thống nhất sửa chữa nhà cửa lấy chỗ thờ cúng cha mẹ. Nhưng bà Phạm Thị S là chị dâu trưởng (vợ của ông Ngô Xuân T6) và con bà S là anh Ngô Xuân T3 không đồng ý mà cho rằng mọi người cứ xây dựng còn bà S vẫn ở tại ngôi nhà này, mặc dù nhà anh T3 con bà S có nhà ở khang trang ngay cạnh đấy nhưng bà S không chịu về ở mà cho rằng T bộ thửa đất và tài sản trên đất đã được bố mẹ chồng bà cho. Sự việc tranh chấp đã được UBND phường PH, thị xã Q giải quyết nhiều lần nhưng không có kết quả. Do đó, ông T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Chia thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho mỗi người một kỷ phần nhằm mục đích để xây nhà từ đường thờ cúng bố mẹ. Do thửa đất không thể Chia được bằng hiện vật nên ông T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu Chia thành tiền, ông T sẽ là người sử dụng T bộ diện tích thửa đất và tài sản trên đất, ông T có nghĩa vụ trả tiền Chia thừa kế cho 08 kỷ phần còn lại. Riêng phần thừa kế của ông Ngô Xuân D2 mất tích sẽ do ông quản lý khi nào ông D2 về thì ông sẽ trả cho ông D2, phần của ông T6 thì các đồng thừa kế là bà S, anh T3, chị T4 và anh D1 sẽ được hưởng.

***Bị đơn bà Phạm Thị S có quan điểm trình bày:** Bà kết hôn với ông Ngô Xuân T6 vào năm 1950, ông T6 là con trai cụ Ngô Xuân P1, sinh năm 1906 (chết năm 1990) và mẹ là cụ Vũ Thị Đ1, sinh năm 1909 (chết năm 1988). Sinh thời cụ P1, cụ Đ1 sinh được 09 người con gồm có bà Ngô Thị N1, sinh năm 1929, ông Ngô Xuân T6 (chồng bà) sinh năm 1931, bà Ngô Thị D3, sinh năm 1933, ông Ngô

Xuân T1, sinh năm 1935, ông Ngô Xuân T, sinh năm 1940, ông Ngô Xuân T2, sinh năm 1943, bà Ngô Thị L1, sinh năm 1945, bà Ngô Thị C1, sinh năm 1949, ông Ngô Xuân D2, sinh năm 1950. Sau khi kết hôn với ông Ngô Xuân T6, bà và ông T6 sinh được 01 người con chung là anh Nguyễn Xuân T3, sinh năm 1968; ông T6 sau đó lấy vợ hai bà Lê Thị B1 nhưng không đăng ký kết hôn và sinh được một người con là chị Ngô Thị T4, sinh năm 1967 và ông T6 có nhận một người con nuôi là anh Ngô Xuân D1, sinh năm 1971.

-Về nguồn gốc diện tích 326m² đất (trong đó 300m² đất ở và 26m² đất trồng cây lâu năm) tại khu 4, phường PH, thị xã Q và việc UBND thị xã Q ra Quyết định hủy bỏ GCNQSDĐ mang tên ông Ngô Xuân T6 như ông T trình bày là đúng bà không có ý kiến gì.

-Bà S không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ P1, cụ Đ1 thành 09 phần bằng nhau vì bà cho rằng thửa đất này hai cụ P1, cụ Đ1 đã cho vợ chồng bà từ khi kết hôn năm 1950 hai vợ chồng bà ở tại đây, ông T6 cũng chết tại đây và vợ chồng bà đã có nhiều công sức tôn tạo thửa đất này nên thửa đất phải là của vợ chồng bà, nếu bắt buộc phải chia thì bà cũng đồng ý chia nhưng phải chia bằng hiện vật chứ không chia bằng tiền, để bà có 01 phần để ở tại thửa đất này.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn ông Ngô Xuân T1, ông Ngô Xuân T2, bà Ngô Thị L1 có quan điểm trình bày.** Bố mẹ các ông, bà là các cụ Ngô Xuân P1, sinh năm: 1906 (chết năm 1990) và mẹ là cụ Vũ Thị Đ1, sinh năm 1909 (chết năm 1988). Sinh thời cụ P1, cụ Đ1 sinh được 09 người con gồm có bà Ngô Thị N1, sinh năm 1929, ông Ngô Xuân T6, sinh năm 1931(chết năm 2013), bà Ngô Thị D3, sinh năm 1933, ông Ngô Xuân T1, sinh năm 1935, ông Ngô Xuân T, sinh năm 1940, ông Ngô Xuân T2, sinh năm 1943, bà Ngô Thị L1, sinh năm 1945, bà Ngô Thị C1, sinh năm 1949, ông Ngô Xuân D2, sinh năm 1950, mọi người đều đã có gia đình và ở riêng, trong đó chỉ có ông Ngô Xuân D2 mất tích. Khi bố mẹ các ông, bà mất đi có để lại một khối di sản thừa kế chung gồm 01 ngôi nhà gỗ lim 5 gian trên thửa đất 326m² (trong đó 300m² đất ở và 26m² đất trồng cây lâu năm) từ năm 1932, tại thửa đất số 33, tờ bản đồ địa chính số P12, địa chỉ: khu 4, phường PH, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, hiện bà S đang ở và quản lý. Mọi người trong gia đình bàn bạc toàn bộ nhà và đất trên để lại làm nhà từ đường để thờ cúng bố mẹ, tổ tiên và đã thống nhất sửa chữa lại ngôi nhà gỗ vì lâu ngày đã bị hỏng. Nhưng bà S là con dâu trưởng trong gia đình cùng con trai bà S là

Ngô Xuân T3 không đồng ý mà lại có ý định chiếm hết T bộ ngôi nhà và đất trên để ở riêng. Do đó, Ông Ngô Xuân T1, ông Ngô Xuân T2, bà Ngô Thị L1 đều nhất trí với quan điểm của ông Ngô Xuân T là chia di sản thừa kế trên theo pháp luật, chia làm 09 kỷ phần bằng nhau, ông T nhận quyền sử dụng T bộ thửa đất và sở hữu các tài sản trên đất, ông T có nghĩa vụ trả tiền cho các đồng thừa kế còn lại theo quy định.

***Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác là Anh Ngô Xuân D1, Chị Ngô Thị T4 trình bày:** Điều có quan điểm như nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là đồng ý chia di sản thừa kế của bố mẹ, ông bà nội thành 09 phần bằng nhau, chia bằng tiền chứ không chia bằng hiện vật, ông T sẽ đứng lên để trả tiền chênh lệch cho các đồng thừa kế, phần của ông D2 tạm thời giao cho ông T quản lý. Do ông T6 đã chết bà S, anh T3, chị T4 và anh D1 là người thừa kế sẽ được hưởng phần di sản của ông T6. Chị T4 và anh D1 có quan điểm phần của anh chị được hưởng anh chị đồng ý giao cho ông T để xây từ đường làm nhà thờ cúng.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn anh Ngô Xuân T3 có quan điểm trình bày:** Anh nhất trí với quan điểm của bà S trình bày, anh không đồng ý với yêu cầu Chia di sản thừa kế của cụ P1, cụ Đ1 thành 09 phần bằng nhau, và nếu phải Chia thì anh cũng đồng ý Chia nhưng phải Chia bằng hiện vật để mẹ anh là bà S phải được hưởng một phần để ở.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B1 có quan điểm:** Trước khi làm vợ hai cho ông T6 bà đã có một đời chồng trước là ông Nguyễn Văn Đưa, sau đó ông Đưa chết. Đến năm 1965 bà và ông Ngô Xuân T6 kết hôn, lúc này ông T6 đã có vợ là bà Phạm Thị S. Sau khi hai người kết hôn thì bà và ông T6 chung sống tại nhà bố mẹ đẻ bà tại xóm Trại, xã Cẩm La, hai người không đến UBND xã đăng ký kết hôn theo quy định. Đến năm 1967 thì bà và ông T6 sinh được 01 con chung là Ngô Thị T4. Việc gia đình ông Ngô Xuân T phân Chia khối di sản của các cụ bố mẹ ông T6 để lại, quan điểm của bà giữa bà và ông T6 là hôn nhân không hợp pháp. Do đó bà không yêu cầu Chia nhưng đối với chị T4 là con gái bà với ông T6 thì đề nghị Tòa án Chia cho chị T4 một phần mà ông T6 được hưởng.

***Đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị S và anh Ngô Xuân T3 là chị Ngô Thị T5 có quan điểm:** Chị nhất trí với quan điểm của bà S, anh T3 trình bày. Không đồng ý với yêu cầu Chia di sản thừa kế của cụ P1, cụ Đ1 thành 09 phần

bằng nhau và nếu phải Chia thì cũng đồng ý Chia nhưng phải Chia bằng hiện vật để bà S phải được hưởng một phần để ở.

***Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị N1, bà Ngô Thị D3, bà Ngô Thị C1 là ông Ngô Xuân T có quan điểm trình bày:** Đồng ý với quan điểm của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn đề nghị Tòa án Chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là 01 ngôi nhà gỗ lim 5 gian trên thửa đất 326m² (trong đó 300m² đất ở và 26m² đất trồng cây lâu năm) từ năm 1932, tại thửa đất số 33, tờ bản đồ địa chính số P12, địa chỉ: Khu 4, phường PH, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh thành 09 phần bằng nhau, Chia bằng tiền chứ không Chia bằng hiện vật, ông T sẽ đứng lên để trả tiền chênh lệch cho các đồng thừa kế, phần của ông D2 tạm thời giao cho ông T quản lý. Do ông T6 đã chết bà S, anh T3, chị T4 và anh D1 là người thừa kế sẽ được hưởng phần di sản của ông T6 và Phần còn lại của bà S, anh T3 thì bà S và anh T3 sẽ tự thỏa thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:**

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS; Thời hạn chuẩn bị xét xử, mở phiên tòa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án

****Về nội dung:***

Căn cứ các điều 611, 612, 613, 623, 650, 651, 652, 660 BLDS 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Xuân T. Giao ông T trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích 326m² đất và tài sản trên đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ mới 58, khu 4, phường PH, thị xã Q. Bà S được hưởng 40.000.000đ tiền quản lý trông coi di sản thừa kế, số tiền còn lại Ông T có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền các kỳ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào phần trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Ngô Xuân T khởi kiện đối với bị đơn là bà Phạm Thị S yêu cầu Chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại theo pháp luật nên vụ án tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và T3ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

-Cụ Ngô Xuân P1, sinh năm: 1906 (chết năm 1990) và bà Vũ Thị Đ1, sinh năm 1909 (chết năm 1988) là vợ chồng, trong quá trình chung sống sinh được 09 người con gồm có: Ngô Thị N1, sinh năm 1929, Ngô Xuân T6, sinh năm 1931 (chết năm 2013), Ngô Thị D3, sinh năm 1933, Ngô Xuân T1, sinh năm 1935, Ngô Xuân T, sinh năm 1940, Ngô Xuân T2, sinh năm, 1943, Ngô Thị L1, sinh năm 1945; Ngô Thị C1, sinh năm, 1949; Ngô Xuân D2, sinh năm 1950.

-Về nguồn gốc thửa đất và T bộ tài sản trên đất đang tranh chấp là một ngôi nhà gỗ ngôi nhà gỗ lim 5 gian trên thửa đất có diện tích đất qua kết quả thẩm định và hiện trạng còn 325,4m² (trong đó 300m² đất ở và 25,4m² đất trồng cây lâu năm), tại thửa đất số 33, tờ bản đồ địa chính số P12 do năm 1996 (tương ứng thửa mới 84, tờ bản đồ mới 58), địa chỉ tại khu 4, phường PH, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh là của cụ ông Ngô Xuân P1, cụ bà Nguyễn Thị Đ1 tạo dựng từ những năm 1932. Sau đó cụ Đ1 chết năm 1988, ông P1 chết năm 1990 không để lại di chúc, sau khi cụ Đ1, cụ P1 chết T bộ thửa đất và tài sản trên đất vợ chồng ông Ngô Xuân T6, sinh năm 1931 (chết năm 2013) là con trai trưởng, vợ là Phạm Thị S ở đây và trông nom nhà cửa.

Năm 2002 ông T6 tự ý làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ và đã được UBND huyện Y (nay là thị xã Q) cấp GCNQSDĐ số 40134QSDĐ ngày 03/3/2003 mang tên ông Ngô Xuân T6. Nhưng sau đó ông Ngô Xuân T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T6. Do đó tại Quyết định số 5685/QĐ-UBND ngày 03/11/2016 UBND thị xã Q đã hủy bỏ GCNQSDĐ số U 515702, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 40134 do UBND huyện Y (nay là thị xã Q) cấp ngày 03/3/2003 cho ông Ngô Xuân T6, thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ địa chính số P12, diện tích 326m². Lý do hủy bỏ: Cấp không đúng đối tượng.

- Quá trình giải quyết các đương sự gồm ông T, bà N1, bà D3, bà C1, ông T1, ông T2, bà L1 đều thừa nhận T bộ khối di sản trên là của bố mẹ là cụ ông Ngô Xuân P1, cụ bà Vũ Thị Đ1 để lại là 01 ngôi nhà gỗ lim 5 gian trên thửa đất 326m²

từ năm 1932, tại thửa đất số 33, tờ bản đồ địa chính số P12 phường PH, địa chỉ tại khu 4, phường PH, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi các cụ mất đi vợ chồng ông T6, bà S ở tại đây, đến năm 2013 thì ông T6 chết hiện tại bây giờ chỉ còn một mình bà S ở và chỉ để làm chỗ thờ cúng các cụ. Do ngôi nhà này đã trải qua gần 100 năm nên đã xuống cấp vì thế ông T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bàn bạc sửa chữa ngôi nhà gỗ 05 gian để lấy chỗ thờ cúng, bà Phạm Thị S và anh Ngô Xuân T3 là con trai ông T6, bà S không nhất trí. Do đó, ông Ngô Xuân T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Chia di sản thừa kế trên theo pháp luật là hoàn T có căn cứ.

[4] Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 22/01/2019 thể hiện hiện trạng thửa đất như sau: Diện tích thửa đất số 33 tờ bản đồ địa chính số P12, địa chỉ khu 4, phường PH, thị xã Q, Quảng Ninh có diện tích 235,4m², (hiện trạng đất có biên động so với ban đầu 0,6 m² đã được UBND huyện Y cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 40134 ngày 03/3/2003).

-Về cây trồng trên đất gồm có: 02 cây đu đủ đường kính gốc cách mặt đất 20cm; 29 cây chuối đường kính 10cm; 15 cây chuối cao từ 1m đến 1,5m; 01 cây đu đủ có C1ều cao 0,5m đến 1m; 01 cây la C1ều cao 1,5m; 01 cây chanh chiều cao 0,5m.

-Về nhà xây trên đất: 01 nhà khung gỗ cấp bốn 5 gian, tường gạch xây năm 1952 diện tích 69,5m; 01 nhà ngang cấp 4, mái prô xi măng, gạch xây năm 1990; 01 bể nước thể tích 18m³; 03 đoạn tường rào dài 37,4m, xây năm 1952.

[4] Tại biên bản định giá tài sản ngày 22.01.2019 thì diện tích đất 325,4m² gồm cả đất ở và đất xây dựng trị giá 424.842.200đ, giá trị toàn bộ tài sản trên đất là 102.365.000đ. Tổng giá trị nhà và đất là 527.207.200đ (*Năm trăm hai mươi bảy triệu hai trăm linh bảy nghìn hai trăm đồng*).

[5] Như vậy qua các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án thì thấy trước khi chết ông Ngô Xuân P1, bà Nguyễn Thị Đ1 để lại là một ngôi nhà gỗ 05 gian, diện tích sử dụng 50m²; 01 gian nhà ngang cấp 4, có diện tích 20,2m² và công trình là 01 bể nước và một số cây ăn quả trên diện tích đất qua đo đạc thực tế là 325,4m² (trong đó 300m² đất ở và 25,4m² đất trồng cây lâu năm) từ năm 1932, tại thửa đất số 33, tờ bản đồ địa chính số P12 do năm 1996 (tương ứng thửa mới 84, tờ bản đồ mới 58) phường PH, địa chỉ tại xóm Đông Nội, xã PH huyện Y (nay là khu 4, phường PH, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh) không để lại di chúc cho ai. Do đó việc nguyên đơn là ông Ngô Xuân T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn yêu cầu Chia thừa kế theo pháp luật là hoàn T có cơ sở để Hội đồng

xét xử chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 649, Điều 650 và Điều 651 và 652- Bộ luật dân sự. Căn cứ theo nguyện vọng Chia thừa kế theo pháp luật những đồng thừa kế đều nhất trí với quan điểm của nguyên đơn ông Ngô Xuân T đề nghị vì diện tích đất không đủ Chia bằng hiện vật nên yêu cầu Chia bằng tiền, ông T được quyền sử dụng T bộ thừa đất có diện tích 325,4m² và được sở hữu T bộ tài sản gắn liền với đất có tổng giá trị là 527.207.200đ, đồng thời ông T phải thanh toán cho các đồng thừa kế khác với tỷ phần mỗi người được hưởng là 58.578.577đ. Riêng phần thừa kế của ông Ngô Xuân T6 đã chết nên bà S cùng các con của ông T6 là anh T3, chị T4, anh D1 được hưởng.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự các ông, bà Ngô Thị N1, Ngô Thị D3, Ngô Xuân T1, Ngô Xuân T, Ngô Xuân T2, Ngô Thị L1, Ngô Thị C1 thỏa T3ận mỗi người phải thanh toán cho bà S số tiền 5.000.000đ, tiền công sức trông coi, bảo quản di sản, công sức giữ gìn tài sản, di sản thừa kế theo qui định. Nhưng tại phiên tòa các đương sự thay đổi quan điểm không đồng ý trả tiền trông coi, gìn giữ di sản thừa kế cho bà S. Xét theo quy định của pháp luật thì các đồng thừa kế được hưởng phần di sản thừa kế phải thanh toán tiền trông coi bảo quản cũng như giàn giữ di sản cho bà S là có căn cứ.

-Đối với tỷ phần thừa kế của ông Ngô Xuân D2 đã bị tuyên bố mất tích thì ông T có nghĩa vụ quản lý. Sau này ông D2 trở về thì thanh toán cho ông D2 và ông T có nghĩa vụ thay ông D2 thanh toán tiền trông coi di sản cho bà S.

-Quan điểm của người được ủy quyền cho bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn không đồng ý Chia di sản thừa kế theo pháp luật. Nhưng nếu phải Chia thì Chia bằng hiện vật chứ không đồng ý Chia bằng tiền và phải để lại một phần diện tích đất cho bà S ở chứ bà S không nhất trí Chia bằng tiền. Tuy nhiên yêu cầu của phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn là không có căn cứ. Vì diện tích đất 325,4m² không thể Chia được cho 09 tỷ phần, không phù hợp với quy định về đất đai và quy hoạch tại địa phương, không đủ tiêu chuẩn về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Và tại biên bản làm việc với UBND phường PH, thị xã Q thì bà S và ông T6 còn có một ngôi nhà khác tại: Khu 4, phường PH, thị xã Q, Quảng Ninh đã cho tặng con trai là Ngô Xuân T3 đảm bảo bà S có N1 ở, sinh hoạt nên việc Chia di sản thừa kế không ảnh hưởng đến nhà ở cũng như sinh hoạt của bà S. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của bị đơn.

-Toàn bộ số tiền nộp tạm ứng chi phí thẩm định và định giá tài sản mà ông Ngô Xuân T nộp, ông T tự nguyện không yêu cầu các đương sự phải nộp và đã chi phí hết, ông T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Từ những nhận định và đánh giá trên thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

[6] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Đối với các ông, bà Ngô Thị N1, Ngô Thị D3, Ngô Xuân T1, Ngô Xuân T, Ngô Xuân T2, Ngô Thị L1, Ngô Thị C1, Ngô Xuân D2, Phạm Thị S là người già cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí theo quy định. Do đó không phải chịu án phí.

-Anh Ngô Xuân T3, chị Ngô Thị T4, anh Ngô Xuân D1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- **Áp dụng:** Điều 649, 650 và Điều 651, 652, Điều 357- Bộ luật dân sự; Điều 101; Điều 166 - Luật đất đai 2013.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 - Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 27- Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Xuân T về việc kiện “*Yêu cầu Chia di sản thừa kế theo pháp luật*”.

1. Xử: Ông Ngô Xuân T được quyền sử dụng 325,4m² đất (trong đó 300m² đất ở và 25,4m² đất trồng cây lâu năm) và được sở hữu T bộ tài sản trên đất, tại thửa đất số 33, tờ bản đồ địa chính số P12, địa chỉ tại xóm Đông Nội, xã PH huyện Y (nay là khu 4, phường PH, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh). (Bất kể tổ chức, cá nhân nào đang quản lý di sản thừa kế phải có nghĩa vụ giao trả lại di sản thừa kế cho ông Ngô Xuân T).

-Ông Ngô Xuân T có trách nhiệm trả tiền Chia phần di sản thừa kế cho các đồng thừa kế là bà Ngô Thị L, Bà Ngô Thị D3, ông Ngô Xuân D2, bà Ngô Thị C1, ông Ngô Xuân T1, ông Ngô Xuân T2, bà Ngô Thị L1 mỗi người với số tiền 58.578.577đ (*Năm mươi tám triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng*).

-Ông Ngô Xuân T phải thanh toán cho bà Phạm Thị S và các con của bà S (gồm các anh Ngô Xuân T3, Ngô Xuân D1, chị Ngô Thị T4) số tiền 58.578.577đ (Năm mươi tám triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng) phần di sản ông T6 được hưởng.

Chia theo phần:

Bà Phạm Thị S, anh Ngô Xuân T3, anh Ngô Xuân D1, chị Ngô Thị T4 mỗi người được hưởng số tiền 14.644.644đ (Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

-Các ông, bà Ngô Thị N1, Ngô Thị D3, Ngô Xuân T1, Ngô Xuân T, Ngô Xuân T2, Ngô Thị L1, Ngô Thị C1, Ngô Xuân D2 (Ông T là người phải thanh toán thay cho ông D2), mỗi người phải thanh toán số tiền trông nom quản lý di sản thừa kế cho bà S là 5.000.000đ, tổng số là 40.000.000đ cộng với số tiền 14.644.644đ tiền Chia di sản thừa kế. Tổng cộng bà S được hưởng 54.644.644đ. (Năm mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

-Giao ông Ngô Xuân T tạm quản lý số tiền 58.578.577đ của ông Ngô Xuân D2.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Ngô Thị Lôi, Bà Ngô Thị D3, bà Ngô Thị C1, ông Ngô Xuân T1, ông Ngô Xuân T2, bà Ngô Thị L1, bà Phạm Thị S và các con của bà S (các anh Ngô Xuân T3, Ngô Xuân D1, chị Ngô Thị T4) có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Ngô Xuân T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Phạm Thị S có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Ngô Xuân T, bà Ngô Thị N1, Bà Ngô Thị D3, bà Ngô Thị C1, ông Ngô Xuân T1, ông Ngô Xuân T2, bà Ngô Thị L1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ngô Xuân T3, anh Ngô Xuân D1, chị Ngô Thị T4 mỗi người phải chịu 732.232đ (Bảy trăm ba mươi hai nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).

-Trả lại cho ông Ngô Xuân T số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai T3 tiền tạm ứng án phí số 0003067 ngày 12/9/2018 của Chi cục thi hành án thị xã Q.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 - Luật thi hành án dân sự./

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Sửu

Đỗ Thị Kim C1nh

Nguyễn Chí Mạnh

N1 nhân

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKS ND tx Q
- Các đương sự
- THA
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Mạnh

